

SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 562 /BC-KSBT

Kiên Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2025

BCT

TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

Số: 832
ĐẾN Ngày: 29/4/2025

huyền:.....

vu hồ sơ số: 1. Tình hình bệnh ký sinh trùng

1.1. Bệnh giun đường ruột

Các đối tượng	Tổng số ca nhiễm	Giun đũa	Giun tóc	Giun móc	Giun kim	Nhiễm chung
1.1.1 Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.2 Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.3 Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.4 Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.5 Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.6 Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0	0
1.1.7 Khác	0	0	0	0	0	0
Tổng số	0	0	0	0	0	0

1.2. Bệnh giun, sán

Đối tượng		Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán lá ruột	Sán dây	Ấu trùng sán lợn
1.2.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.2.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	0	0	0	0	0	0
Đối tượng		Giun đũa chó mèo	Giun lươn	Giun xoắn	Giun đầu gai	KST khác	
1.2.3	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	
1.2.4	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	
	Tổng số	0	0	0	0	0	

II. Các biện pháp phòng chống

2.1. Hoạt động tẩy giun

Các đối tượng tẩy giun tại cộng đồng		Tổng số huyện báo cáo	Tổng số đối tượng đích	Tổng số đối tượng uống thuốc	Tỉ lệ % uống thuốc	Số có tác dụng không mong muốn nặng và (%)
2.1.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
2.1.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	0	0	0	0
2.1.3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0
2.1.7	Khác	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0

2.2. Hoạt động điều trị bệnh sán lá gan nhỏ tại cộng đồng

Đối tượng		Ngày tháng	Số đối tượng	Số uống thuốc	Tỉ lệ %	Số tác dụng phụ	Tỉ lệ %
2.2.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2.2.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

2.3. Điều trị các bệnh ký sinh trùng khác

Đối tượng		Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán dây/ ATSL	Giun đũa chó mèo	Giun lươn	Giun xoắn
2.3.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2.3.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

III. Hoạt động giáo dục truyền thông

Các hình thức truyền thông		Số lượng /số lần	Số người tham dự	Nội dung
3.1	Phân phát tranh treo tường	0	0	
3.2	Phân phát tờ rơi	0	0	
3.3	Phân phát truyện tranh	0	0	
3.4	Băng rôn	0	0	
3.5	Phát thanh trên loa đài địa phương	0	0	
3.6	Nói chuyện chuyên đề	0	0	
3.7	Thảo luận nhóm	0	0	
3.8	Tập huấn cho y tế tuyến xã	0	0	
3.9	Chiếu video	0	0	

IV. Báo cáo sử dụng thuốc

TT	Các loại thuốc sử dụng	Tồn kỳ trước	Lĩnh thêm	Đã sử dụng	Hiện còn	Hạn sử dụng	Nhu cầu kỳ sau
4.1	Albendazole 400mg	0	0	0	0	0	0
4.2	Mebendazole 500mg	0	0	0	0	0	0
4.3	Praziquantel 600mg	0	0	0	0	0	0
4.4	Egaten 500mg	0	0	0	0	0	0
4.5	Thuốc khác	0	0	0	0	0	0

V. Thông tin về môi trường, nhà tiêu, nước sạch

- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 295.697 hộ, đạt 63,52 % nhà tiêu hợp vệ sinh
- Số hộ có sử dụng nước sạch: 289.539 hộ, đạt 63,86 % hộ sử dụng.
- Số hộ sử dụng phân tươi bón cho cây trồng hoặc cho cá ăn:.....hộ.

VI. Đánh giá và đề nghị:

- Không

Nơi nhận:

- Viện SR-KST-CT TW;
- Viện SR-KST-CT Tp. HCM;
- Sở Y tế;
- Ban GD TTKSBT;
- TTYT huyện/thị/thành phố;
- Lưu: VT, Khoa KST-CT.



Giám đốc

Trần Thế Vinh

PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 562/BC-KSDT ngày, 29 tháng 4 năm 2025

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì;... KSDT
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

GIÁM ĐỐC

- Ngày,.....tháng.....năm.....cho ý kiến phân phối, giải quyết

2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày,.... tháng,.....năm.....cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày,..... tháng,.....năm..... đề xuất ý kiến